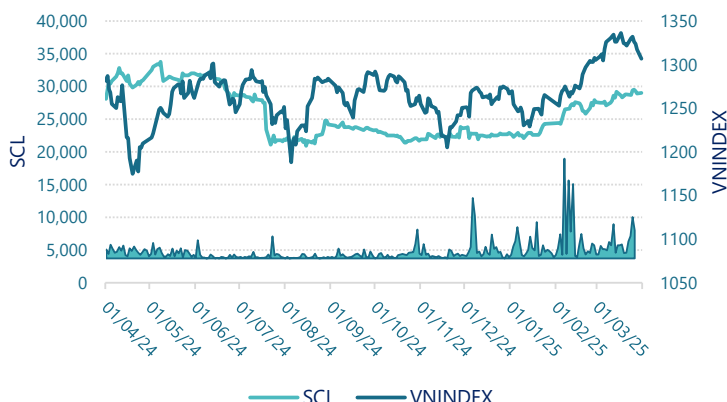


CTCP Sông Đà Cao Cường (UPCOM: SCL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	29,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	33,770
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,929
SL cổ phiếu LH	22,392,839
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,748
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	649
P/E	25.3
EPS	1,145

DT thuần

Q1/25

94.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0 | -14.5%

YoY: ▲ 5.80 | 6.6%

LN sau thuế

Q1/25

8.87

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.39 | 18.6%

YoY: ▼2.93 | -24.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

10.5%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần

2024

408

tỷ VNĐ

YoY: ▼65.0 | -13.7%

LN sau thuế

2024

26.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.3 | -39.5%

ROE

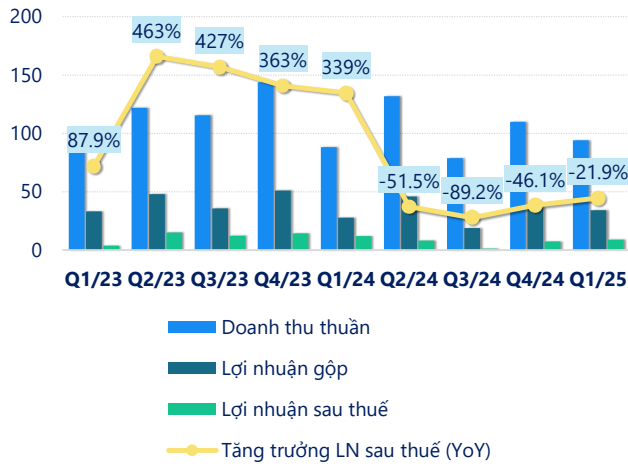
2024

10.1%

+/- YoY: ▼ 8.8%

tỷ VNĐ

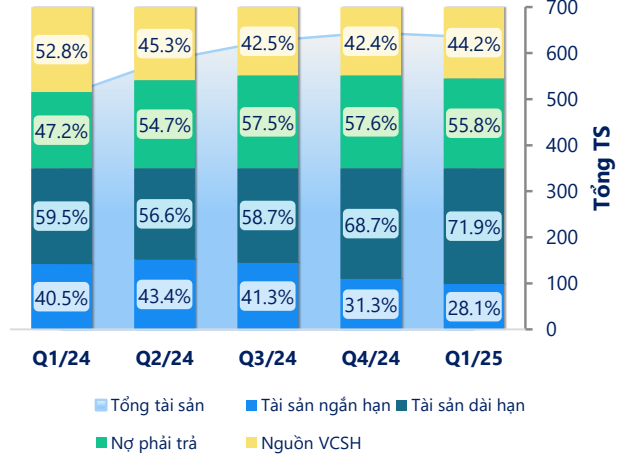
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

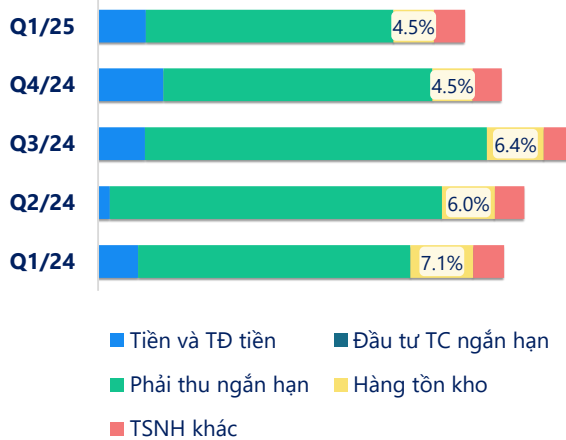
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



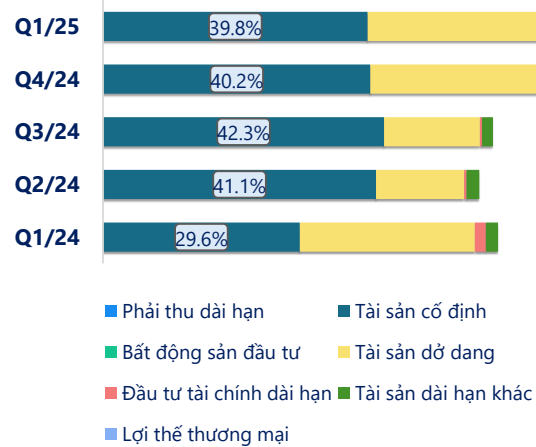
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

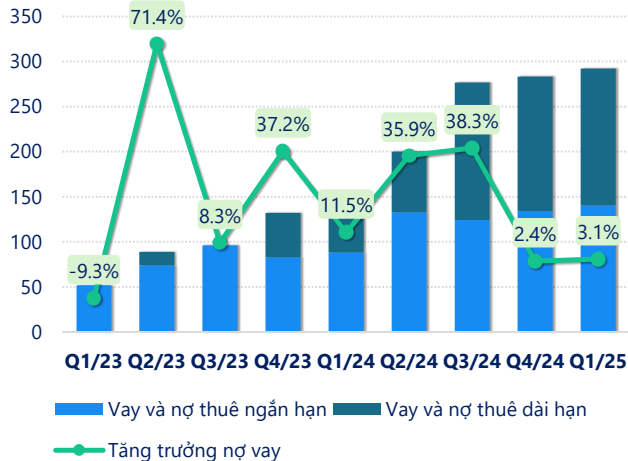
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

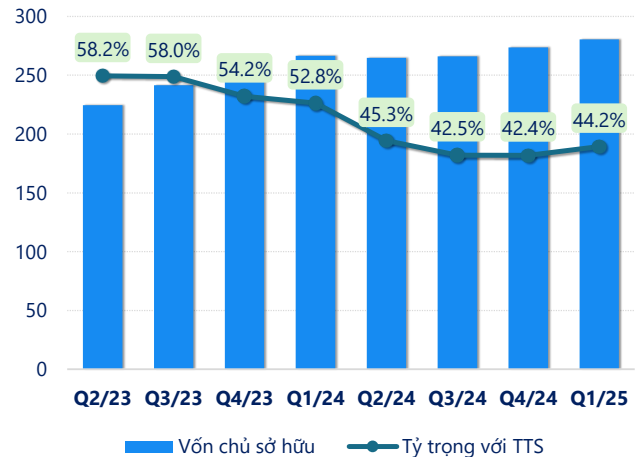
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



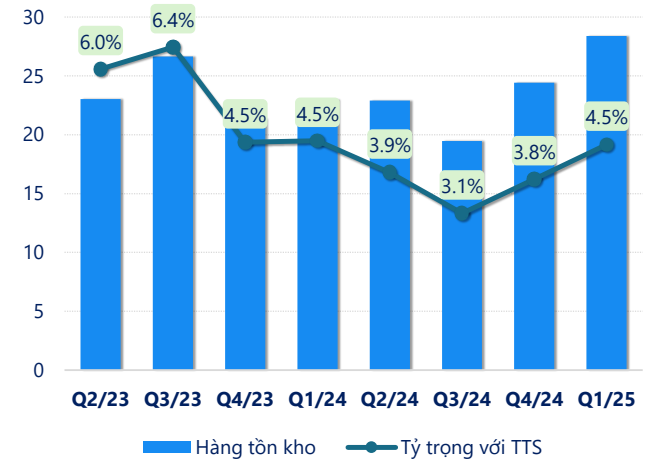
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

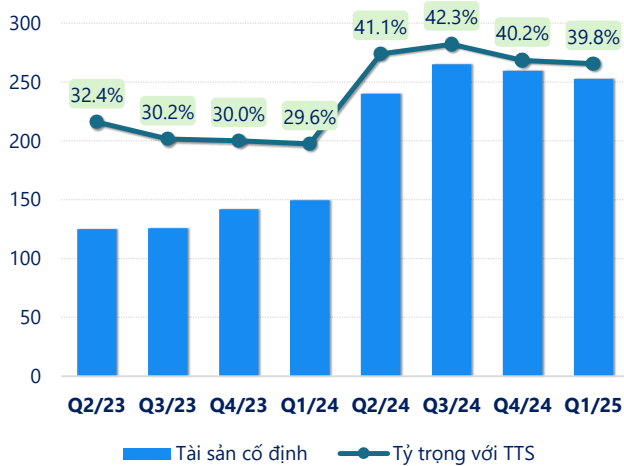

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


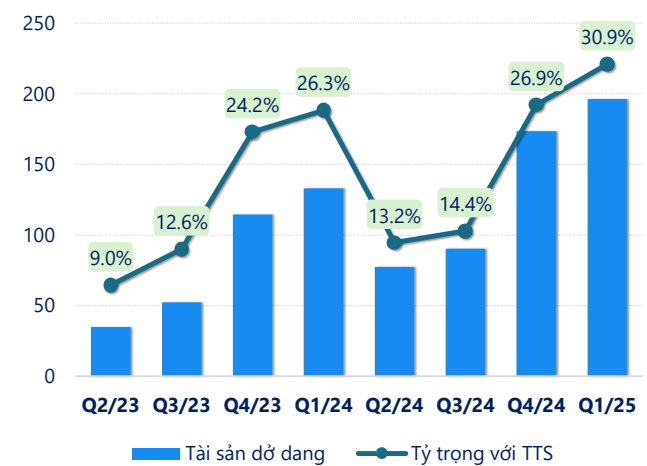
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

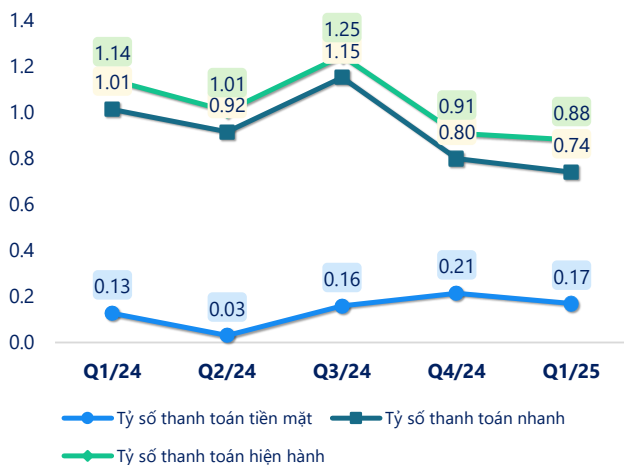
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

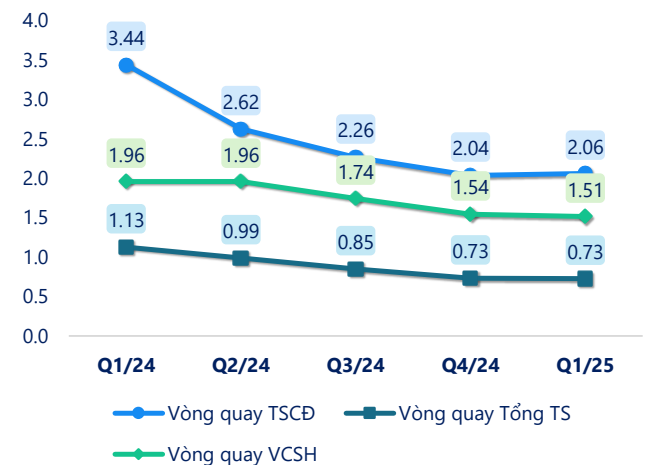
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	505	584	627	644	635
Tài sản ngắn hạn	205	253	259	202	178
Tiền và tương đương tiền	22.8	7.73	33.1	47.4	34.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	141	206	188	113	92.4
Hàng tồn kho	23.0	22.9	19.5	24.4	28.4
Tài sản ngắn hạn khác	17.9	16.5	18.0	17.0	23.3
Tài sản dài hạn	300	331	368	443	456
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	150	240	265	259	253
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	133	77.4	90.2	173	196
Đầu tư tài chính dài hạn	8.33	2.00	2.00	0.80	0.80
Tài sản dài hạn khác	9.32	11.4	10.3	9.39	6.42
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	238	319	360	371	354
Nợ ngắn hạn	179	252	208	222	202
Vay và nợ thuê ngắn hạn	88.2	133	124	134	140
Phải trả người bán ngắn hạn	55.5	74.8	44.8	44.1	46.3
Nợ dài hạn	59.0	67.5	152	149	152
Vay và nợ thuê dài hạn	59.0	67.5	152	149	152
Nguồn vốn chủ sở hữu	267	265	266	274	280
Vốn chủ sở hữu	267	265	266	274	280
Vốn điều lệ	187	187	187	187	224
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	-0.15

(Nguồn: fireant.vn)